

QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM TIẾP CẬN THÔNG TIN THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT THƯ VIỆN

ThS Lê Tùng Sơn - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

ThS Phạm Thị Thảo - Trường Đại học Sài Gòn

Tóm tắt: Tiếp cận thông tin vừa là quyền chính trị, vừa là quyền có tính dân sự của mỗi công dân được Hiến pháp năm 2013 quy định. Thông qua các quy định của Luật Thư viện, quyền tiếp cận thông tin của công dân được cụ thể hóa bằng các quy định về quyền của công dân trong tiếp cận thông tin, sử dụng các sản phẩm và dịch vụ thông tin tại thư viện. Các quyền này được thực hiện trên nguyên tắc bình đẳng, công dân là chủ thể chính là trung tâm trong mọi hoạt động của thư viện.

Để bảo đảm việc thực hiện quyền này, Luật đã quy định các biện pháp trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân tại thư viện. Các quy định này mang một ý nghĩa quan trọng trong việc tạo điều kiện cho việc tiếp cận thông tin của công dân, đồng thời phù hợp với xu thế của thế giới.

Từ khoá: Quyền Tiếp cận thông tin; Luật Thư viện; hoạt động thư viện.

RIGHTS OF ACCESS TO INFORMATION AND MEASURES TO ENSURE ACCESS TO INFORMATION ACCORDING TO THE PROVISIONS OF THE LIBRARY ACT

Abstract: Access to information is both a political right and a civil right of every citizen as prescribed by the 2013 Constitution. Through the provisions of the Library Act, citizens' right to access to information is concretized by provisions on citizens' rights to access information and use information products and services in libraries. These rights are implemented on the principle of equality, the citizen is the main subject and the center of all library activities.

To ensure the exercise of this right, the Library Act prescribes measures to ensure the right of citizens to access information in libraries. These regulations carry an important meaning in facilitating citizens' access to information, and at the same time in line with the trend of the world.

Keywords: Right to access information; Library Act; library activities.

Mở đầu

Tiếp cận thông tin là một trong những chế định quan trọng được quy định tại Điều 25 của Hiến pháp năm 2013. Đây được xem là nhóm quyền thuộc quyền chính trị bao gồm: *tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình*. Để cụ thể hóa quyền tiếp cận thông tin, tại Kỳ họp thứ 11, Quốc hội Khóa XIII đã thông qua Luật Tiếp cận thông tin (thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016) quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc

bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Thông qua văn bản pháp lý quan trọng này, quyền tiếp cận thông tin với ý nghĩa là một quyền có tính chất chính trị đã được nhà nước quy định và bảo đảm thực thi. Tuy vậy, xét về bản chất, tiếp cận thông tin không đơn thuần là quyền chính trị, nó còn là quyền có tính dân sự, nó không chỉ đặt ra vấn đề công dân có quyền tiếp cận những thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra, mà còn là quyền được tiếp cận các nguồn khác nhau, quyền được tạo ra thông tin, quyền được sống trong một môi trường thông tin có tính chính xác, chính thống để phục vụ cho các hoạt động của cuộc sống, trong đó

có: học tập, nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh, giải trí,... Đó là những quan hệ pháp luật mà Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 chưa bao quát hết, cần đến những luật chuyên ngành điều chỉnh.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Thư viện (Luật số 46/2019/QH14). Sự kiện này không chỉ mang ý nghĩa đối với sự nghiệp thư viện ở Việt Nam, mà quan trọng hơn, đã tạo ra khung pháp lý quan trọng trong việc tạo ra công cụ hữu hiệu nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cho công dân- đó là thư viện. Từ đây, quyền tiếp cận thông tin không chỉ đơn thuần là vấn đề tiếp cận thông tin của công dân với cơ quan Nhà nước, mà còn là quyền tiếp cận thông tin trong các cơ sở văn hóa, dịch vụ công cộng gắn với cuộc sống thường ngày, hỗ trợ học tập, nghiên cứu khoa học, văn hóa, giải trí của người dân.

Tiếp cận thông tin trong Luật Thư viện là một trong những chế định mới so với Pháp lệnh Thư viện năm 2000, quy định về quyền tiếp cận thông tin trong Luật chi phối đến toàn bộ nội dung của Luật theo hướng: xác định rõ quyền tiếp cận thông tin, từ đó quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thành lập thư viện phải nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin; nhà nước xây dựng chính sách phát triển sự nghiệp thư viện, thiết lập mạng lưới thư viện để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin. Như vậy, trong Luật Thư viện tồn tại 2 nội dung cơ bản xuyên suốt toàn bộ trong các quy định, đó là: vấn đề xác định quyền tiếp cận thông tin và những biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin.

Trong nghiên cứu này, có hai vấn đề được làm rõ, đó là: chế định về quyền tiếp cận thông tin, bao gồm những nội dung gì và biện pháp để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin được quy định tại Luật Thư viện là như thế nào. Từ đó, đưa ra những khuyến nghị nhằm tăng cường thực thi, để Luật Thư

viện trở thành một công cụ hữu hiệu trong việc bảo đảm quyền công dân được quy định tại Hiến pháp.

1. Các khái niệm

1.1. Quyền tiếp cận thông tin

Để làm rõ nội hàm khái niệm “Quyền tiếp cận thông tin”, trước tiên cần làm rõ khái niệm “thông tin”.

Theo cách tiếp cận của bài viết, thông tin là *các dữ liệu, dữ kiện, số liệu, tin tức, thông điệp phản ánh tự nhiên, xã hội và tư duy, được thể hiện dưới các phương thức khác nhau như ngôn ngữ, ký hiệu, hình ảnh và các phương thức khác tác động đến giác quan của con người nhằm phục vụ các nhu cầu khác nhau của người sử dụng thông tin.*

Việc tiếp cận thông tin được thực hiện thông qua nhiều hình thức như: đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chụp thông tin. Chủ thể tiếp cận thông tin theo quy định của Hiến pháp năm 2013 là công dân, việc tiếp cận thông tin này được xây dựng trên nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

Trên bình diện quốc tế, theo Tuyên ngôn Thế giới về Quyền Con người được Đại Hội đồng Liên hiệp quốc thông qua tại Nghị quyết số 217 A (III) ngày 10/12/1948, nội dung quyền tiếp cận thông tin được xác định bao gồm: quyền tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến thông tin [1].

Tại Việt Nam, Điều 69 Hiến pháp năm 1992 gọi đó là “quyền được thông tin”, Hiến pháp 2013 gọi là “quyền tiếp cận thông tin”. Điều 25 của Hiến pháp 2013 quy định: *“công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình”*; khoản 4 Điều 2 Luật Tiếp cận thông tin quy định việc cung cấp thông tin *bao gồm việc cơ quan nhà nước công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.* Như vậy có nghĩa, tiếp cận thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin mới chỉ bao hàm nội dung về việc

cung cấp thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra. Tuy vậy, trên thực tế trong bối cảnh bùng nổ thông tin như hiện nay, với nhiều nguồn tin khác nhau, do đó, đặt ra yêu cầu của Nhà nước không chỉ là việc cung cấp thông tin do cơ quan công quyền tạo ra, mà rộng hơn, đó là việc tạo ra hành lang pháp lý cho việc tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến thông tin và sử dụng thông tin của công dân một cách thuận lợi.

Từ đó, quyền tiếp cận thông tin trong thời đại ngày nay được hiểu là quyền công dân được tự do tìm kiếm, tiếp nhận, phổ biến, trao đổi và sử dụng thông tin; quyền được tạo ra thông tin và quyền được sống trong một môi trường với những thông tin chính thống, chuẩn xác để phục vụ cho các nhu cầu khác nhau của mình [4, 6].

Tuy vậy, việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin cũng có những giới hạn, trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam đều định ra những giới hạn trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Trong Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị khẳng định:

“Việc thực hiện những quyền quy định tại khoản 2 của điều này (quyền tự do thông tin) kèm theo những nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt. Do đó, có thể dẫn tới một số hạn chế nhất định; tuy nhiên những hạn chế này phải được pháp luật quy định và cần thiết để:

a) Tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác;

b) Bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của công chúng [2].

Ở Việt Nam, khoản 4 Điều 15 Hiến pháp năm 2013 cũng xác định: “Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác”.

Khoản 4 và khoản 5 Điều 3 Luật Tiếp cận thông tin cũng xác định: việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong

trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng; việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác. Điều này đặt ra yêu cầu cần xác định giới hạn một cách cụ thể, rõ ràng nhằm bảo đảm cho công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin của mình phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu, văn hóa và phát triển kinh tế,....

1.2. Thư viện với việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin

Khoản 1 Điều 3 của Luật Thư viện đưa ra định nghĩa: *thư viện là thiết chế văn hóa, thông tin, giáo dục, khoa học thực hiện việc xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, cung cấp tài nguyên thông tin phục vụ nhu cầu của người sử dụng.*

Trên bình diện quốc tế, tuyên ngôn của UNESCO về thư viện công cộng đã khẳng định “*Thư viện công cộng là trung tâm thông tin địa phương tạo cho người sử dụng của mình sự tiếp cận nhanh chóng tới tri thức và thông tin ở tất cả các dạng thức*” [3].

Từ đây có thể xác định thư viện là một trong những thiết chế quan trọng trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân trên nguyên tắc bình đẳng; thư viện tạo cơ hội cho người dân có thể thực hiện một cách đầy đủ nhất các quyền tiếp cận thông tin của mình, bao gồm:

- Quyền tìm kiếm, tiếp nhận, phổ biến, trao đổi và sử dụng thông tin thông qua các hoạt động của thư viện;

- Quyền tạo ra thông tin thông qua các hoạt động sáng tạo của người sử dụng, thông qua việc tham gia các hoạt động do thư viện tổ chức;

- Quyền được sống trong một môi trường với những thông tin chính thống, chuẩn xác để phục vụ cho các nhu cầu khác nhau của mình, bởi lẽ các nguồn thông tin do thư viện cung cấp đều được chọn lựa, thu thập bảo

đảm chính thống, chuẩn xác để phục vụ cho người sử dụng.

2. Quyền tiếp cận thông tin được quy định trong Luật Thư viện

2.1. Nội dung quyền tiếp cận thông tin trong Luật Thư viện

Điều 42 của Luật Thư viện đã cụ thể hóa quyền tiếp cận thông tin của công dân thông qua các quy định về sử dụng tài nguyên thông tin và tiện ích thư viện, phù hợp với nội quy, quy định của thư viện, pháp luật về sở hữu trí tuệ, bảo vệ bí mật của nhà nước và quy định của pháp luật khác có liên quan. Theo quy định này, công dân được miễn phí tại thư viện công lập đối với các hoạt động:

- Sử dụng tài nguyên thông tin tại thư viện, mượn theo thời hạn quy định trong nội quy thư viện;

- Tra cứu thông tin trên không gian mạng; tiếp nhận thông tin về tài nguyên thông tin thông qua hệ thống tra cứu hoặc hình thức tiếp nhận thông tin tra cứu khác;

- Được giúp đỡ, tư vấn về tìm kiếm, lựa chọn tài nguyên thông tin phù hợp với yêu cầu;

Ngoài ra, người sử dụng thư viện còn được sử dụng các dịch vụ theo danh mục dịch vụ do thư viện cung cấp, được hướng dẫn sử dụng thư viện, hỗ trợ, trang bị kỹ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin; được tham gia các hoạt động dành cho người sử dụng do thư viện tổ chức; được lựa chọn thư viện phù hợp với nhu cầu và quy chế nội quy thư viện và được khiếu nại, tố cáo về hành vi hạn chế quyền sử dụng thư viện.

Đối với các nhóm đối tượng đặc thù, Luật Thư viện cũng có những quy định nhằm bảo đảm việc tiếp cận thông tin một cách đặc thù, theo đó, Điều 44 của Luật Thư viện quy định:

- Người dân tộc thiểu số được tạo điều kiện sử dụng tài nguyên thông tin bằng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình phù hợp với điều kiện của thư viện.

- Người sử dụng thư viện là người cao tuổi hoặc người khuyết tật mà không thể tới thư viện được tạo điều kiện sử dụng tài nguyên thông tin tại nhà thông qua dịch vụ

thư viện lưu động hoặc gửi qua bưu chính, không gian mạng khi có yêu cầu phù hợp với hoạt động của thư viện.

- Người khiếm thị, người khiếm thính có quyền sử dụng tài nguyên thông tin theo quy định và được tạo điều kiện sử dụng tài liệu in chữ nổi Braille, tài liệu nghe, nhìn, tài liệu ngôn ngữ ký hiệu hoặc tài liệu đặc biệt khác.

- Trẻ em được tạo điều kiện sử dụng tài nguyên thông tin phù hợp với lứa tuổi, cấp học tại thư viện cơ sở giáo dục và thư viện công cộng.

- Trẻ em, người cao tuổi, thương binh, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được miễn các khoản chi phí làm thẻ thư viện.

- Người đang chấp hành hình phạt tù, học tập, cải tạo tại trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc được tạo điều kiện sử dụng tài nguyên thông tin của thư viện tại nơi giam giữ, học tập và chữa bệnh.

Như vậy có thể thấy, các quy định của Luật Thư viện đã bao phủ hầu hết các nội dung trong quyền tiếp cận thông tin của công dân ở mọi dạng thức. Đặc biệt, Luật đã quy định việc tiếp cận thông tin đối với những đối tượng đặc thù, trong đó có đối tượng là người đang chấp hành hình phạt tù, học tập, cải tạo tại trại giam. Đây là những đối tượng đã mất quyền công dân, song vẫn có quyền con người. Như vậy có thể thấy, ở một mức độ nào đó, quyền tiếp cận thông tin đã được mở rộng trong các quy định của Luật Thư viện.

2.2. Nội dung hạn chế quyền tiếp cận thông tin

Nội dung của Luật Thư viện đã quy định nội dung hạn chế quyền tiếp cận thông tin nhằm tạo hành lang pháp lý cho công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong thư viện. Theo đó, Điều 7 của Luật Thư viện đã quy định về tài nguyên thông tin hạn chế sử dụng trong thư viện. Đây là những tài nguyên mà người sử dụng sẽ bị hạn chế tiếp cận vì những lý do khác nhau theo quy định của Luật, bao gồm:

- Tài nguyên thông tin có nội dung thông tin nếu sử dụng rộng rãi có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Tài nguyên thông tin thuộc bí mật nhà nước, hạn chế sử dụng, tiếp cận có điều kiện, hạn chế quyền tiếp cận theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, tiếp cận thông tin và lưu trữ;

- Bản gốc tài liệu cổ quý hiếm, tài nguyên thông tin là di sản văn hóa đang lưu giữ trong thư viện;

- Bản gốc tài liệu bị hư hỏng.

Như vậy, Luật Thư viện đã “khoanh vùng” những nguồn thông tin mà công dân hạn chế tiếp cận, với các quy định về hạn chế trong nội dung thông tin và hình thức thể hiện của thông tin. Đặc biệt, đối với các dạng tài nguyên thông tin hạn chế sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7, Luật đã quy định các thư viện được lưu giữ để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu (khoản 10 Điều 38 Luật Thư viện) nhằm bảo đảm cho việc phát huy một cách tối đa giá trị của các thông tin này. Bảo đảm cho công dân có thể tiếp cận thông tin phục vụ học tập, nghiên cứu.

3. Các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin được quy định tại Luật Thư viện

3.1. Chính sách của nhà nước trong phát triển sự nghiệp thư viện

Để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, Luật Thư viện đã cụ thể hóa các chính sách của Nhà nước trong phát triển sự nghiệp thư viện, nhằm nâng cao năng lực cung ứng thông tin, sản phẩm và dịch vụ thư viện phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin của công dân. Chính sách của Nhà nước trong phát triển thư viện được quy định tại Điều 5 của Luật với những nội dung cơ bản bao gồm: đầu tư cho thư viện công lập, hỗ trợ đầu tư trong việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực thư viện, phát triển văn hóa đọc; duy trì và phát triển thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng không vì mục tiêu lợi nhuận;

cước vận chuyển tài liệu thư viện phục vụ nhiệm vụ chính trị, khu vực biên giới hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn. Các chính sách này đều hướng đến việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân thông qua việc tác động đến sự nghiệp thư viện, thúc đẩy sự nghiệp thư viện phát triển.

3.2. Thiết lập mạng lưới thư viện

Luật Thư viện đã thiết lập một mạng lưới thư viện rộng khắp với đầy đủ các loại hình, mô hình hoạt động với 8 loại thư viện cơ bản tương ứng với từng nhu cầu sử dụng thông tin của các nhóm xã hội khác nhau, bao gồm: Thư viện Quốc gia, Thư viện công cộng (phục vụ mọi đối tượng người sử dụng); Thư viện chuyên ngành (phục vụ cho các đối tượng nghiên cứu chuyên biệt trong các cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu,...); Thư viện lực lượng vũ trang nhân dân (phục vụ cho các đối tượng trong lực lượng vũ trang nhân dân); Thư viện trong cơ sở giáo dục đại học, thư viện trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác (phục vụ cho đối tượng trong các cơ sở giáo dục quốc dân).

Ngoài ra, so với Pháp lệnh Thư viện, Luật đã mở rộng đối tượng điều chỉnh thông qua điều chỉnh 3 loại thư viện ngoài công lập bao gồm: Thư viện cộng đồng; Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng; Thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam.

Từ sự mở rộng này, tạo cơ hội cho người dân có thêm các lựa chọn trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của mình, đồng thời tạo ra sự liên kết, hỗ trợ giữa các loại thư viện trong việc phục vụ người dân tiếp cận và sử dụng thư viện.

Cùng với việc thiết lập mạng lưới thư viện, Luật đã quy định vị trí, vai trò, và nhiệm vụ của mỗi thư viện trong mạng lưới thư viện quốc gia (quy định từ Điều 10 đến Điều 17), từ các quy phạm pháp luật này sẽ là căn cứ pháp lý quan trọng để các loại thư viện xác định chức năng nhiệm vụ, phạm vi hoạt

động, đối tượng phục vụ, từ đó đáp ứng quyền tiếp cận thông tin của mỗi công dân tương ứng với từng nhóm đối tượng trong xã hội.

3.3. Chuẩn hóa hoạt động thư viện

Hoạt động thư viện được xem là phương tiện quan trọng để đạt được mục tiêu, đó là bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân. Trong toàn bộ kết cấu của Luật, hoạt động thư viện chiếm số lượng nội dung lớn nhất (14 điều, từ Điều 24 đến Điều 37), với các quy định nhằm chuẩn hóa hoạt động thư viện, thiết lập các cơ chế vận hành, từ đó tạo hành lang pháp lý cho các thư viện không ngừng đổi mới sáng tạo trong hoạt động để nâng cao năng lực cung ứng thông tin phục vụ người dân trong bối cảnh phát triển của khoa học và công nghệ. Đây là một trong những điểm mới so với Pháp lệnh Thư viện năm 2000.

Luật Thư viện đã xác định những nguyên tắc cơ bản của hoạt động thư viện (Điều 24), trong đó quy định về lấy người sử dụng thư viện làm trung tâm; tạo lập môi trường thân thiện, bình đẳng; bảo đảm quyền tiếp cận và sử dụng thư viện của tổ chức, cá nhân là nguyên tắc số 1 mang tính triết lý trong hoạt động của thư viện. Từ đây, công dân là chủ thể chính và là trung tâm trong mọi hoạt động thư viện, với nguyên tắc này, có thể thấy, mọi hoạt động thư viện đều hướng đến bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Luật Thư viện đã quy phạm hóa các hoạt động chuyên môn quan trọng của thư viện nhằm tiến đến chuẩn hóa hoạt động như: xây dựng tài nguyên thông tin, xử lý tài nguyên thông tin và tổ chức hệ thống tra cứu thông tin, bảo quản tài nguyên thông tin, tạo lập cung cấp sản phẩm thông tin thư viện và dịch vụ thư viện, truyền thông thư viện và đánh giá hoạt động thư viện. Đây là các nội dung cơ bản mà mỗi thư viện đều phải triển khai để phục vụ cho người sử dụng. Ngoài ra Luật cũng đã quy định những hoạt

động có tính hỗ trợ cho hoạt động thư viện, như: vấn đề hiện đại hóa thư viện, nguồn tài chính cho hoạt động thư viện, hợp tác quốc tế về thư viện,... nhằm giúp thư viện khẳng định vị trí, vị thế của mình thông qua hoạt động thư viện.

3.4. Quy định về nghĩa vụ của thư viện và nghĩa vụ của người làm công tác thư viện

Tương ứng với quyền của công dân trong tiếp cận thông tin, đó là nghĩa vụ của thư viện và người làm công tác thư viện trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin. Luật Thư viện đã quy định 02 điều về trách nhiệm của thư viện (Điều 39) và nghĩa vụ của người làm công tác thư viện (Điều 41) để cụ thể hóa các nội dung này. Cụ thể:

Thư viện có trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin và sử dụng dịch vụ thư viện được quy định tại Luật và quy định khác của pháp luật liên quan, quy chế nội quy của thư viện; tổ chức dịch vụ thư viện, bố trí thời gian phục vụ phù hợp với điều kiện sinh hoạt, làm việc học tập của người sử dụng thư viện, công bố nội quy, hướng dẫn sử dụng thư viện, công khai minh bạch về tài nguyên thông tin và hoạt động thư viện. Ngoài ra, việc nâng cao chất lượng hoạt động thư viện thông qua việc tổ chức hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thư viện theo quy định và hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của thư viện cũng là một nội dung trong trách nhiệm của thư viện trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin.

Đối với người làm công tác thư viện, một trong những nghĩa vụ quan trọng về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin được Luật quy định, đó là: tạo điều kiện để người sử dụng thư viện tiếp cận, sử dụng tài nguyên thông tin và tiện ích thư viện; bảo đảm quyền bình đẳng và các quyền khác của người sử dụng thư viện được quy định tại Luật này; hỗ trợ, hướng dẫn trang bị kỹ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin cho người sử dụng

thư viện. Đây là những biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin quan trọng được Luật quy định.

3.5. Những hành vi cấm trong hoạt động thư viện

Khoản 3 Điều 8 của Luật quy định về hành vi hạn chế quyền tiếp cận và sử dụng tài nguyên thông tin của người sử dụng thư viện trái quy định của pháp luật là một trong những hành vi cấm trong hoạt động thư viện. Đây là một trong những điểm mới so với Pháp lệnh Thư viện, đồng thời thể hiện rõ triết lý hướng đến cộng đồng trong hoạt động thư viện, trong đó lấy người sử dụng thư viện là trung tâm. Xét về bản chất, thư viện là công cụ để nhà nước bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của cho người dân, thư viện được nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong hoạt động, vì vậy khi thư viện vì một lý do nào đó mà hạn chế quyền tiếp cận thông tin của công dân trái với quy định của pháp luật thì đó được xem là một trong những hành vi vi phạm quy định của Luật Thư viện. Tương ứng với hành vi này được quy định trong Luật, đó là Chính phủ sẽ quy định chế tài xử phạt đối với thư viện khi thư viện thực hiện các hành vi này.

Kết luận

Sự ra đời của Luật Thư viện đã bổ sung một số chế định pháp lý quan trọng, bảo đảm cho công dân được tiếp cận thông tin một cách toàn diện, sử dụng thông tin để phục vụ cho cuộc sống của mình. Nhằm bảo đảm việc thực thi các quy định của Luật Thư viện về quyền tiếp cận thông tin, xin đưa ra một số khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, liên quan đến việc cụ thể hóa các điều được Luật giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thư viện nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Thư viện, bảo đảm tính thực thi, hiệu lực hiệu quả trong quá trình thi hành Luật Thư viện.

Thứ hai, tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thư viện để tổ chức, cá nhân có thể nắm bắt đầy đủ các quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình khi tham gia quan hệ pháp luật do Luật Thư viện điều chỉnh.

Thứ ba, để bảo đảm các quyền cơ bản của tổ chức, cá nhân trong tiếp cận thông tin, hưởng thụ các giá trị văn hóa và sử dụng thư viện và dịch vụ do thư viện cung cấp, các thư viện trong cả nước cần đổi mới hoạt động thư viện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa và liên thông giữa các thư viện theo tinh thần của Luật, đi kèm với đó là trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trực tiếp thành lập thư viện, quản lý thư viện, cơ quan quản lý nhà nước về thư viện và tổ chức, cá nhân liên quan trong việc bảo đảm các nguồn lực thúc đẩy việc đổi mới, chuẩn hóa hoạt động thư viện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người được Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua tại Nghị quyết số 217 A (III) ngày 10/12/1948.
2. Học viện chính trị quốc gia. Trung tâm Nghiên cứu quyền con người. Các văn kiện thế giới về quyền con người, Sdd, tr187.
3. Tuyên ngôn của UNESCO về Thư viện công cộng năm 1994.
4. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1976.
5. Nguyễn Đăng Dung (2016). Bình luận khoa học hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, NXB Chính trị Quốc gia.
6. Nguyễn Minh Thuyết (2016). Những vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền tiếp cận thông tin ở nước ta hiện nay, Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KX.03/11-15.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 5-12-2020; Ngày phản biện đánh giá: 10-3-2021; Ngày chấp nhận đăng: 15-5-2021).